

Huyện G, ngày 31 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 07 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 59/2023/TLST-DS ngày 15/05/2023, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐCVN (P);

Trụ sở: Số 22 N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng P là:

Ông Nguyễn Đình L; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị P;

Người đại diện theo ủy quyền của P là:

Ông Mai Xuân T; chức vụ: Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản Ngân hàng P;

Theo giấy ủy quyền số 10771/UQ-PVB ngày 10/06/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị P;

Người đại diện theo ủy quyền lại của P là:

1. Ông Nguyễn Quốc H; chức vụ: Chuyên viên tổ tụng - Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản Ngân hàng P;
2. Ông Nguyễn Chính H; chức vụ: Giám đốc khách hàng cá nhân – Phòng quản lý khách hàng cá nhân miền Bắc - Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản Ngân hàng P;
3. Ông Nguyễn Ngọc H; chức vụ: Chuyên gia hỗ trợ nghiệp vụ - Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản Ngân hàng P;

Theo giấy ủy quyền số 22205/UQ-PVB ngày 10/11/2022 của Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản Ngân hàng P.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1981.
2. Bà Mạc Thị Thu T, sinh năm 1986.

ĐKKHKT: Số 170 H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Căn hộ số 716, tầng 7, tòa nhà CT2, chung cư HA, phường PC, quận N, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần Đ và C Hà Nội nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn H.
Địa chỉ trụ sở chính: Số 1 đường H, Khu công nghiệp S B, phường T, quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn H là:

Ông Trần Văn K; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Tập đoàn H là:

Bà Trần Thị Lệ N; chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Cháu Nguyễn Phương N, sinh năm 2009;
3. Cháu Nguyễn Gia H, sinh năm 2011;
4. Cháu Nguyễn Sơn T, sinh năm 2016.

Cùng trú tại: Căn hộ số 716, tầng 7, tòa nhà CT2, chung cư HA, phường PC, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Phương N, cháu Nguyễn Gia H và cháu Nguyễn Sơn T là ông Nguyễn Duy H, bà Mạc Thị Thu T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng cho vay số 438/2018/HĐTD/PVB-HQV ngày 08/08/2018;

Khế ước nhận nợ ngày 23/08/2018; Khế ước nhận nợ ngày 11/09/2019 và Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở số công chứng 4450.2018/HĐTC, quyền số 24.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/08/2018 tại Văn phòng công chứng GK được giao kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐCVN (P) với vợ chồng ông Nguyễn Duy H và bà Mạc Thị Thu T là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

2.2. Cách tính lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi được quy định trong Hợp đồng cho vay số 438/2018/HĐTD/PVB-HQV ngày 08/08/2018; Khế ước nhận nợ ngày 23/08/2018; Khế ước nhận nợ ngày 11/09/2019 so với các Quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐCVN là đúng theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng bắt buộc đối với các bên tham gia giao kết.

2.3. Các bên xác nhận tạm tính đến hết ngày 21/07/2023, ông Nguyễn Duy H và bà Mạc Thị Thu T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐCVN tổng số tiền là 941.247.745 đồng, trong đó nợ gốc là: 596.266.897 đồng và nợ lãi phát sinh là: 344.980.848 đồng.

2.4. Xác nhận ông Nguyễn Duy H và bà Mạc Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐCVN tổng số tiền còn nợ đến hết ngày 21/07/2023 là 941.247.745 đồng, trong đó nợ gốc là: 596.266.897 đồng và nợ lãi phát sinh là: 344.980.848 đồng.

Kể từ ngày 22/07/2023 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ, ông Nguyễn Duy H và bà Mạc Thị Thu T còn phải chịu các khoản lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 438/2018/HĐTD/PVB-HQV ngày 08/08/2018; Khế ước nhận nợ ngày 23/08/2018 và Khế ước nhận nợ ngày 11/09/2019. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ nói trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Ngân hàng cho vay.

2.5. Trường hợp ông Nguyễn Duy H và bà Mạc Thị Thu T thanh toán hết khoản nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐCVN có trách nhiệm trả lại giấy

tờ mua bán nhà đất đã thế chấp cho ông Nguyễn Duy H và bà Mạc Thị Thu T và làm thủ tục giải chấp ngay.

2.6. Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến hết tháng 10/2023 mà ông Nguyễn Duy H và bà Mạc Thị Thu T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐCVN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng là: Toàn bộ quyền tài sản thuộc sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Duy H và bà Mạc Thị Thu T phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 716/2018/HĐMB/HA ký ngày 03/07/2018 giữa Công ty Cổ phần Đ và C Hà Nội với vợ chồng ông H và bà T, gồm cả phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng mua bán nhà ở, cụ thể như sau: Căn hộ số: 16, tầng 7, tòa nhà CT2; diện tích sử dụng căn hộ: 58,68m²; mục đích sử dụng căn hộ: Để ở; dự án: Khu nhà ở H 6, có địa chỉ tại phường PC, quận N, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở số công chứng 4450.2018/HĐTC, quyền số 24.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/08/2018 tại Văn phòng công chứng GK.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ phải di chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì các khoản tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được thanh toán theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và quy định tại mục 5.3.3 của Hợp đồng hợp tác về quản lý tài sản số 716/2018/HĐQLTS/HTCAPOLLO ký ngày 20/08/2018 giữa ông Nguyễn Duy H và bà Mạc Thị Thu T, Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐCVN và Công ty Cổ phần Đ và C Hà Nội.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐCVN thì ông Nguyễn Duy H và bà Mạc Thị Thu T có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐCVN.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền ông Nguyễn Duy H và bà Mạc Thị Thu T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐCVN và Công ty Cổ phần Đ và C Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn H) thì số tiền còn lại sau khi thanh toán toàn bộ nghĩa vụ được trả cho ông Nguyễn Duy H và bà Mạc Thị Thu T.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Duy H và bà Mạc Thị Thu T tự nguyện chịu 20.115.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐCVN 19.579.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐCVN đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0074411 ngày 15/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Như Trọng